

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/DSST

Ngày: 30-5-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Út Nhỏ;

2. Ông Võ Văn Liềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2023/TLST-DS ngày 01/8/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST-SD ngày 13/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hải H - sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần T - sinh năm 1987 và bà Thị Kim L - sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/7/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hải H trình bày: Tôi có cho vợ chồng ông Trần T và bà Thị Kim L vay tiền hai lần, cụ thể: Vào ngày 22/5/2022 cho vợ chồng ông Trần T và bà Thị Kim L vay số tiền là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), với lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, hai bên có làm giấy tay vay tiền vào ngày 22/5/2022 và vợ chồng T, bà L hẹn trong 5 tháng sẽ trả vốn và lãi cho tôi. Sau khi vay xong thì ông T và bà L có đóng lãi cho tôi được một lần thì ngưng đến nay.

Tiếp đến ngày 25/6/2022 vợ chồng ông Trần T và bà Thị Kim L vay thêm số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), với lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, hai bên có làm giấy tay vay tiền và hẹn trong 5 tháng sẽ trả vốn và lãi.

Sau khi vay xong thì ông T và bà L có đóng lãi cho tôi được một lần thì ngưng đến nay. Do đó, tổng cộng hai lần vay là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và ông T, bà L đã đóng cho tôi là 8.400.000 đồng và tôi cũng đồng ý trừ lại số tiền này.

Đồng thời, khi vay tiền ông T, bà L có thể chấp cho tôi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do ông T, bà L đứng tên 01 giấy và ông Danh B cha vợ của ông T đứng tên 01 giấy).

Sau khi đến hạn trả nợ thì tôi có yêu cầu vợ chồng ông T, bà L trả nhiều lần nhưng ông bà hứa mà không thực hiện để kéo dài đến nay.

Nay, tôi khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Gò Quao giải quyết buộc ông Trần T và bà Thị Kim L phải trả cho ông số tiền vay còn thiếu là 80.000.000 đồng (trong đó: Vay lần thứ là 70.000.000 đồng và lần hai là 10.000.000 đồng). Đồng thời, tôi yêu cầu tính lãi suất của số tiền trên kể từ ngày vay đến nay, tôi đồng ý khấu trừ lại số tiền lãi đã nhận tổng cộng là 8.400.000 đồng. Lãi suất tôi yêu cầu là 1,66%/ tháng từ ngày vay cho đến khi kết thúc vụ án (trong đó: Số tiền 70.000.000đ tính lãi suất từ ngày 22/5/2022 và Số tiền 10.000.000đ tính lãi suất từ ngày 25/6/2022). Khi ông T, bà L trả hết nợ cho tôi thì tôi sẽ trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn T, bà L và của ông Danh B. Đồng thời, tôi yêu cầu ông T, bà L trả 1 lần dứt nợ.

Theo biên bản lấy lời khai đề ngày 31/8/2023 và tại các biên bản hòa giải ngày 07/9/2023 và ngày 26/12/2023 bị đơn ông Trần T, Thị Kim L trình bày: Nguyên vào ngày 22/5/2022 vợ chồng chúng tôi có vay của ông H số tiền là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), với lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, hai bên có làm giấy tay vay và hẹn trong 5 tháng sẽ trả vốn và lãi cho ông H. Sau khi vay xong thì vợ chồng chúng tôi có đóng lãi cho ông H được số tiền 7.200.000 đồng thì ngưng đến nay.

Tiếp đến ngày 25/6/2022 vợ chồng chúng tôi vay thêm của ông H số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), với lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, hai bên có làm giấy tay vay tiền và hẹn trong 5 tháng sẽ trả vốn và lãi cho ông H. Sau khi vay xong thì vợ chồng chúng tôi có đóng lãi cho ông H được 1.200.000 đồng thì ngưng đến nay. Do đó, tổng cộng hai lần vợ chồng chúng tôi vay của ông H là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và đã trả lãi được số tiền là 8.400.000 đồng.

Đồng thời, khi vay tiền vợ chồng chúng tôi có thể chấp cho ông H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do vợ chồng chúng tôi đứng tên 01 giấy và ông Danh B đứng tên 01 giấy).

Sau khi đến hạn trả nợ thì ông H có yêu cầu vợ chồng chúng tôi trả nợ nhiều lần nhưng vợ chồng chúng tôi hứa mà không thực hiện để kéo dài đến nay.

Nay, vợ chồng chúng tôi đồng ý trả cho ông H số tiền gốc là 80.000.000 đồng. Đồng thời, vợ chồng chúng tôi đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu ông H số tiền này theo quy định Nhà nước từ ngày vay đến nay, chúng tôi yêu cầu khấu trừ lại số tiền lãi đã đóng là 8.400.000 đồng. Khi chúng tôi trả hết nợ thì ông H phải trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình tôi. Vợ chồng chúng tôi yêu cầu xin trả dần 1 tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn đã được thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do là không tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng còn một số vi phạm như vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nên đề nghị Tòa án khắc phục sau này.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Hải H đối với bị đơn bà Thị Kim L và ông Trần T. Buộc bà Thị Kim L và ông Trần T phải trả cho ông Nguyễn Hải H số tiền vốn gốc là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) và tính lãi suất theo quy định của Nhà nước từ ngày vay đến khi kết thúc vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hải H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần T và bà Thị Kim L phải trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hai bên đương sự đã thừa nhận là bà Thị Kim L và ông Trần T có vay tiền của ông Nguyễn Hải H là đúng sự thật.

Hợp đồng vay tiền giữa ông Nguyễn Hải H với bà Thị Kim L và ông Trần T là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Hợp đồng này được giao kết thực hiện trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T và bà L thừa nhận còn thiếu ông H số tiền vốn gốc là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) từ ngày 22/5/2022 và ngày 25/6/2022 đến nay mà không trả được nợ cho ông H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về lãi suất:

Xét yêu cầu tính lãi suất của ông Nguyễn Hải H thì ông yêu cầu tính lãi theo quy định của Nhà nước từ ngày 22/5/2022 của số tiền 70.000.000 đồng và từ ngày 25/6/2022 của số tiền 10.000.000 đồng đến khi xét xử là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, theo quy định của pháp luật, khi thỏa thuận vay tiền đều có lãi trừ trường hợp các đương sự thỏa thuận không có lãi. Tuy nhiên, trong quá trình

giải quyết vụ án thì bà Thị Kim L và ông Trần T đồng ý tính lãi suất theo quy định Nhà nước từ ngày 22/5/2022 của số tiền 70.000.000 đồng và từ ngày 25/6/2022 của số tiền 10.000.000 đồng đến khi kết vụ án. Do đó, ông H yêu cầu tính lãi suất từ ngày 22/5/2022 của số tiền 70.000.000 đồng và từ ngày 25/6/2022 của số tiền 10.000.000 đồng đến ngày xét xử là phù hợp theo quy định của pháp luật. Đối với lãi suất mà hai bên thỏa thuận là 6%/tháng cao hơn so với quy định của pháp luật.

Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.

Đối chiếu quy định trên thì lãi suất cho phép là 20%/năm: 12 tháng = 1,66%/tháng nên thời gian tính lãi suất như sau:

Đối với số tiền là 70.000.000 đồng tính từ ngày 22/5/2022 đến ngày xét xử là ngày 30/5/2024 là 24 tháng 07 ngày: $(70.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng}) \times 24 \text{ tháng} 07 \text{ ngày} = 28.159.133,33 \text{ đồng}$.

Đối với số tiền là 10.000.000 đồng tính từ ngày 25/6/2022 đến ngày xét xử là ngày 30/5/2024 là 23 tháng 05 ngày: $(10.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng}) \times 23 \text{ tháng} 05 \text{ ngày} = 3.845.666,66 \text{ đồng}$.

Tổng cộng vốn và lãi: $(70.000.000\text{đ} + 28.159.133,33\text{đ}) + (10.000.000\text{đ} + 3.845.666,66\text{đ}) = 112.004.799,99 \text{ đồng}$.

Nhưng khấu trừ số tiền lãi mà ông T và L đã đóng cho ông H là: $112.004.799,99\text{đ} - 8.400.000\text{đ} = 103.604.799,99 \text{ đồng}$ làm tròn là 103.605.000 đồng (một trăm lẻ ba triệu sáu trăm lẻ năm nghìn đồng).

Về việc bà Thị Kim L và ông Trần T xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho ông Nguyễn Hải H cho đến khi hết nợ nhưng yêu cầu này của ông T và L không được ông H chấp nhận. Do đó, HĐXX không có căn cứ xem xét yêu cầu này của ông Nguyễn Hải H.

[4] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn, xem xét ý kiến của bị đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích đánh giá trên và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hải H đối với bị đơn

ông Trần T và bà Thị Kim L. Do đó, buộc ông Trần T và bà Thị Kim L phải trả cho ông Nguyễn Hải H số tiền là 103.605.000 đồng (một trăm lẻ ba triệu sáu trăm lẻ năm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về án phí DSST là: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14/30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Nguyễn Hải H thuộc diện người cao tuổi nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, ông Nguyễn Hải H đã được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần T và bà Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: $103.605.000đ \times 5\% = 5.180.250$ đồng làm tròn là 5.180.000 đồng (năm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hải H đối với ông Trần T và bà Thị Kim L.

Buộc ông Trần T và bà Thị Kim L phải trả cho ông Nguyễn Hải H số tiền là 103.605.000 đồng (một trăm lẻ ba triệu sáu trăm lẻ năm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST: Là 5.180.000 đồng (năm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) buộc ông Trần T và bà Thị Kim L phải nộp.

Ông Nguyễn Hải H thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Dương sự có mặt tại phiên tòa có mặt quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 30/5/2024.

Dương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Trần Hoài Thanh